

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Anh Thành**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đức Nhâm;

Ông **Lương Quang Toán**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đàm Thị Yên** – Thẩm tra viên kiêm Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa:** Ông **Hoàng Minh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa 05/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 và thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Ma Thị S, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn N Th, xã C L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;

Có đơn xin xử vắng mặt;

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn N Th, xã C L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;

Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ma Thị S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q quen hiểu nhau, tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Ngày 21/02/2011 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh Q. Vợ chồng chị sống hạnh phúc. Đến khi đi làm ăn xa rồi cách đây khoảng 03 năm anh Q

có quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến vợ con. Anh Q ngoại tình bố và mẹ anh Q biết, khuyên bảo nhưng anh Q không chấm dứt. Anh Q không gửi tiền về nhà nuôi con. Khi nghỉ lễ, Tết về nhà nhưng sống ly thân với chị. Do không còn tình cảm với anh Q nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn Nà Pục, xã Đà Vị, huyện Na Hang sống ly thân từ đó đến nay. Chị và anh Q không còn ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Chị không còn tình cảm với anh Q, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 19/4/2012 và cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 07/5/2014. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo Thi còn cháu Đỗ giao cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có.

Chị có đơn đề nghị Tòa xử vắng mặt do bận công việc làm ăn và do dịch bệnh.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa án theo thời gian của thông báo nên không hòa giải được. Anh Q không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị S.

Tòa án tiến hành xác minh với Công an xã C L – ông Bê Văn Dụ - Phó Trưởng Công an xã C L: Anh Nguyễn Văn Q và chị Ma Thị S có đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn N Th, xã C L. Anh Q, chị S đăng ký nhân khẩu cùng với bố, mẹ anh Q và các con của anh Q, chị S.

Tòa án tiến hành xác minh với Trưởng thôn N Th - Ông Nguyễn Văn Được cho biết: Anh Nguyễn Văn Q và chị Ma Thị S kết hôn thì về chung sống cùng bố mẹ anh Q. Khi làm ăn, sinh sống ở địa phương thì ông không thấy anh Q, chị S có mâu thuẫn gì. Khoảng vài năm gần đây khi chị S, anh Q đi làm ăn xa thì ông nghe có thông tin về vợ chồng mâu thuẫn – chị S, anh Q đã không về ở với nhau. Ông không biết nguyên nhân vì sao. Anh Q, chị S có 02 con chung. 01 cháu gái và 01 cháu trai. Các cháu đang ở cùng anh Q và ông bà Nội. Các cháu đi học phổ thông ở xã C L.

Tòa án tiến hành xác minh với ông Nguyễn Văn Tuyên – là bố anh Q. Ông Tuyên cho biết: Chị S, anh Q kết hôn thì về ở với ông, bà tại thôn N Th. Ở với nhau được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q có quan hệ ngoại tình. Ông đã khuyên ngăn con trai nhưng anh Q không nghe. Vợ chồng anh Q, chị S thường xuyên xảy ra xô sát. Hiện nay anh Q, chị S đi làm xa nhưng không ở với nhau. Còn các con đang ở với ông bà Nội.

Tòa án lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Bảo Th và cháu Nguyễn Anh Đ. Cháu Thi khai: Cháu là con của bố Nguyễn Văn Q và mẹ Ma Thị S. Bố mẹ cháu cùng đi làm xa, thì thoảng mới về. Cháu đang ở với ông bà Nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với ông bà Nội.

Cháu Đỗ khai: Cháu là con của bố Nguyễn Văn Q và mẹ Ma Thị S. Bố mẹ cháu cùng đi làm xa và không ở với nhau. Cháu đang ở với ông bà Nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với ông bà Nội;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn anh Q đã không thực hiện đầy đủ theo giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của BLTTDS; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị S. Tuyên xử cho chị Ma Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung là Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 19/4/2012 cho chị Ma Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 07/5/2014 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Về tài sản và nợ chung: Chị S xác định không có tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết anh Q không có ý kiến trình bày và yêu cầu đối với tài sản chung và nợ chung, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của BLTTDS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Ma Thị S là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị S có đơn xin miễn án phí, nên chị S được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Chị Ma Thị S đã nộp các tài liệu: Trích lục kết hôn, bản sao giấy khai sinh của các con, bản phô tô chứng minh nhân dân của chị S.

Tòa án xác minh tại thôn N Th, xã C L, huyện Na Hang; Công an xã C L về hộ khẩu của anh Q, chị S; Xác minh với Trưởng thôn N Th và ông Nguyễn Văn Tuyên (Bố anh Q); Lấy lời khai các con của anh Q, chị S.

Chị Ma Thị S và anh Nguyễn Văn Q không thống nhất được với nhau về việc ly hôn và nuôi con chung do anh Q không hợp tác làm việc với Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn Q cư trú tại thôn N Th, xã C L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Ma Thị S khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa án theo thời gian của thông báo nên không hòa giải được. Anh Q không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị S. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Đến ngày, giờ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Q vắng mặt nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo hoãn phiên tòa, tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo hoãn phiên tòa cho các đương sự. Chị S có đơn xin xử vắng mặt. Anh Q vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ Điều 207, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[3] Chị Ma Thị S và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của chị S và kết quả xác minh với Trưởng thôn N Th; xác minh với bố anh Q; lời khai cháu Đỗ, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ma Thị S và anh Nguyễn Văn Q đã trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Ma Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[4] Quá trình chung sống chị S và anh Q sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Thi, sinh ngày 19/4/2012 và cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 07/5/2014. Chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo Thi, giao cháu Anh Đỗ cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác minh tại địa phương hiện nay các con chung đang ở cùng ông bà Nội. Nguyện vọng của cháu Bảo Thi và cháu Anh Đỗ cùng là muốn ở với ông bà Nội. Tuy nhiên xét thấy anh Q thường đi làm ăn xa nhà. Nếu giao cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là không đảm bảo chăm sóc, giáo dục con được tốt. Nguyện vọng của chị S xin nhận trực tiếp nuôi cháu Thi (Là cháu gái) là phù hợp. Do đó căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Thị Bảo Thi cho chị Ma Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Anh Đ cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

[4] Chị Ma Thị S trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung và vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[5] Chị Ma Thị S là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Chị S có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Miễn toàn bộ án phí cho chị Ma Thị S.

[6] Chị Ma Thị S và anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 207, 228, 235, 238, 266, 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Ma Thị S.

**1. Về hôn nhân:** Cho chị Ma Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

**2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 19/4/2012 cho chị Ma Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 07/5/2014 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Q, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Ma Thị S được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Ma Thị S và anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- UBND xã C L;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Anh Thành**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Trang Lương Quang Toán**

**Phan Anh Thành**

